

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính không liên thông trong lĩnh vực: Lâm nghiệp, Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 168/TTr-SNN ngày 20 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính không liên thông trong lĩnh vực: Lâm nghiệp, Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định này thiết lập quy trình điện tử giải quyết từng thủ tục hành chính trên Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2019 và Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp, Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng

Phụ lục
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG
TRONG LĨNH VỰC: LÂM NGHIỆP, BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	STT của TTHC cấp tỉnh tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 31/7/2019	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
I. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật								
1	2	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	05 ngày làm việc	1/2 ngày	Phòng Bảo vệ thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết: 03 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày 3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 1/2 ngày	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 01 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 và Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 08/5/2020
Tổng cộng: 01 TTHC								

STT	STT của TTHC cấp tỉnh tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 22/5/2019	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
I. Lĩnh vực Lâm nghiệp								
1	1	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III CITES	05 ngày làm việc <i>(Đối với trường hợp không cần kiểm tra thực tế điều kiện nuôi, trồng)</i>	1/2 ngày	<p>1. Đối với trường hợp Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III CITES</p> <p>Phòng Quản lý bảo vệ và phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận, giải quyết: 03 ngày, cụ thể:</p> <p>1.1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày</p> <p>1.2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày</p> <p>1.3. Lãnh đạo Phòng thông qua</p>	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm: 01 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 và Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 08/5/2020

STT	STT của TTHC cấp tỉnh tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 22/5/2019	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
					kết quả: 1/2 ngày			
			1/2 ngày		<p>2. Đối với trường hợp Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thủy sản thuộc Phụ lục II CITES</p> <p>Phòng Nuôi trồng thủy sản thuộc Chi cục Thủy sản tiếp nhận, giải quyết: 03 ngày, cụ thể:</p> <p>2.1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày</p> <p>2.2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày</p> <p>2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 1/2 ngày</p>	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản: 01 ngày	1/2 ngày	
			Không quá 25 ngày làm việc (Đối với	1/2 ngày	<p>1. Đối với trường hợp Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II</p>	Lãnh đạo Chi cục Kiểm	1/2 ngày	

STT	STT của TTHC cấp tỉnh tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 22/5/2019	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
			<i>trường hợp cần kiểm tra thực tế điều kiện nuôi, trồng)</i>		và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III CITES Phòng Quản lý bảo vệ và phát triển rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận, giải quyết: 23 ngày, cụ thể: 1.1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày 1.2. Chuyên viên giải quyết: 21 ngày 1.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 01 ngày	lâm: 01 ngày		
				1/2 ngày	2. Đối với trường hợp Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thủy sản thuộc Phụ lục II CITES Phòng Nuôi trồng thủy sản thuộc Chi cục Thủy sản tiếp nhận, giải	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản: 01 ngày	1/2 ngày	

STT	STT của TTHC cấp tỉnh tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 22/5/2019	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)			(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	
					quyết: 23 ngày, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày 2.2. Chuyên viên giải quyết: 21 ngày 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 01 ngày		
Tổng cộng: 01 TTHC							